

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA QUYN

Số: /BC-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đa Quyn, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Thống kê danh mục tài sản tại UBND xã Đa Quyn phục vụ phương án sắp xếp trụ sở làm việc
và tài sản khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Thực hiện công văn số 202/TCKH ngày 22/5/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đức Trọng V/v xử lý tài sản khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy
UBND xã Đa Quyn báo cáo kết quả như sau

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Hiện trạng đơn vị đang sử dụng					Đề xuất phương án sắp xếp trụ sở làm việc và tài sản khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp									Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Bao gồm									
							Cấp tỉnh	Cấp xã	Chi tiết							
									Xã Đức Trọng	Xã Hiệp Thạnh	Xã Tân Hội	Xã Ninh Gia	Xã Tà Hine	Xã Tà Năng		
A	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp															
1	Đất trụ sở UBND xã Đa Quyn	Khuôn viên	1	2.250.310.800	2.250.310.800			x						x		
2	Nhà làm việc UBND xã Đa Quyn	Cái	1	4.295.343.000	197.884.000			x						x		
3	Nhà xã đội xã Đa Quyn	Cái	1	562.347.000	193.953.480			x						x		
4	Trung tâm VH-TDĐT xã Đa Quyn	Cái	1	2.958.790.860	2.761.439.510			x						x		

5	Đất nhà sinh hoạt cộng đồng 6 thôn thuộc xã	Khuôn viên	1	2.641.000.000	1.391.000.000			x						x	
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma Bó	Cái	1	200.000.000	180.000.000			x						x	
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn K67	Cái	1	299.997.000	122.968.770			x						x	
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Makir	Cái	1	299.997.000	139.919.536			x						x	
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Chợ Ré	Cái	1	491.699.000	292.887.421			x						x	
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Chợ Rung	Cái	1	299.997.000	139.919.536			x						x	
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Toa Cát	Cái	1	299.997.000	122.968.770			x						x	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Hạ	Cái	1	299.997.000	122.968.770			x						x	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tomrang	Cái	1	449.999.000	269.909.536			x						x	
B	Xe ô tô														
C	Máy móc, thiết bị														
Máy móc thiết bị phổ biến															
1	Máy tính xách tay	Cái	2	29.800.000	23.840.000			x						x	
2	Máy phto	Cái	1	58.200.000	21.825.000			x						x	
3	Máy tính bàn	Cái	3	45.000.000	36.000.000			x						x	

4	Máy tính bàn	Cái	3	44.970.000	39.348.750			x						x	
5	Thiết bị họp trực tuyến	Cái	1	119.460.000	95.568.000			x						x	
6	Bảng lét ma trận ngoài trời	Cái	1	43.132.000	34.505.600			x						x	
7	Hệ thống Camera giám sát	Cái	8	58.100.000	43.575.000			x						x	
8	Máy Kiosk	Cái	1	71.456.000	71.456.000			x						x	
9	Máy Scan A3-02 mặt	Cái	1	74.800.000	74.800.000			x						x	
	Máy móc thiết bị chuyên dùng														
1	Hệ thống loa hội trường xã	Cái	1	56.805.000	15.631.000			x						x	
2	Loa không dây	Cái	1	12.800.000	7.680.000			x						x	
3	Loa âm thanh hội trường thôn Toa Cát	Cái	1	49.700.000	39.760.000			x						x	
4	Loa âm thanh hội trường thôn Ma Bó	Cái	1	49.700.000	39.760.000			x						x	
5	Trang thông tin điện tử	Tài sản		50.000.000	43.750.000			x						x	
6	Phần mềm điều khiển, tích hợp với Kiosh	Phần mềm		74.800.000	74.800.000			x						x	
D	Tài sản kết cấu hạ tầng														
1	Đường GTNT Thôn Tân Hạ đi thôn chợ rung	Tuyến/Đoạn đường	1	269.922.000	195.693.450			x						x	
2	Đường BTXM thôn Makir	Tuyến/Đoạn đường	1	984.826.000	713.998.850			x						x	
3	Đường GTNT Thôn K67	Tuyến/Đoạn đường	1	1.460.043.000	1.095.032.250			x						x	

4	Đường BTXM Thôn Tân Hạ nhánh 1 và nhánh 2	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.010.998.000	783.523.450			x						x	
5	Đường GTNT điểm ĐCĐC xen ghép Ma Tà Nùng	Tuyến/ Đoạn đường	1	886.589.659	642.777.508			x						x	
6	Đường GTNT thôn Tơ M Rang đoạn từ cụm nhà Ông Ya Bắc vào khu sản xuất	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.089.247.689	1.034.785.305			x						x	
7	Đường GTNT từ thôn Toa Cát đi thôn Ma Bó - giai đoạn 1 (hướng vào cụm Charang hô)	Tuyến/ Đoạn đường	1	2.388.285.951	2.268.871.653			x						x	
8	Đường BTXM thôn Ma Bó đoạn nối tiếp (từ qua cầu đập tràn đến hết đất hộ Ma Dao)	Tuyến/ Đoạn đường	1	435.000.000	380.625.000			x						x	
9	Đường GTNT từ thôn Toa Cát đi thôn Ma Bó - giai đoạn 2 (hướng vào cụm Charang hô)	Tuyến/ Đoạn đường	1	2.413.000.000	2.292.350.000			x						x	
10	Đường GTNT cụm Tơ Mrang từ nhà ông Ha Soan đến hết đất hộ ông Kcheh	Tuyến/ Đoạn đường	1	716.000.000	644.400.000			x						x	
11	Đường GTNT tuyến Ma Bó đi cầu chày đoạn nối tiếp	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.341.000.000	1.273.950.000			x						x	
12	Đường GTNT cụm Charangho, thôn Ma Bó	Tuyến/ Đoạn đường	1	684.000.000	615.600.000			x						x	
13	Đường GTNT Thôn Chơ ré	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.200.000.000	900.000.000			x						x	

14	Đường GTNT thôn Tomrang đoạn từ nhà k'chel vào khu sản xuất	Tuyến/ Đoạn đường	1	700.000.000	665.000.000			x						x	
15	Đường GTNT thôn Toa Cát	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.376.000.000	1.066.400.000			x						x	
16	Công trình Đường BTXM cụm Cha Rang Hồ thôn Ma Bó đoạn nối tiếp (giai đoạn 1)	Tuyến/ Đoạn đường	1	978.000.000	978.000.000			x						x	
17	Đường BTXM thôn Toa Cát	Tuyến/ Đoạn đường	1	100.000.000	80.000.000			x						x	
18	Đường GTNT thôn Toa Cát đoạn nối tiếp	Tuyến/ Đoạn đường	1	645.000.000	516.000.000			x						x	
19	Đường GTNT thôn Ma Bó	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.085.000.000	868.000.000			x						x	
20	Đường GTNT thôn Makir	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.548.000.000	1.238.400.000			x						x	
21	Đường GTNT Thôn Ma Bó	Tuyến/ Đoạn đường	1	770.000.000	635.250.000			x						x	
22	Đường GTNT Thôn Toa Cát giai đoạn 3	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.000.000.000	825.000.000			x						x	
23	Đường GTNT Thôn Toa Cát - Makir(Ka Nghin-K Rai)	Tuyến/ Đoạn đường	1	2.207.000.000	1.875.950.000			x						x	
24	Đường GTNT thôn Makir hướng vào Chrang Hồ	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.422.000.000	1.208.700.000			x						x	
25	Đường GTNT nội đồng thôn Tơ Mrang (giai đoạn 1)	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.389.000.000	1.180.650.000			x						x	
26	Đường GTNT thôn Toa Cát(Đình Văn Minh -Đỗ Kim Nghĩa)	Tuyến/ Đoạn đường	1	1.000.000.000	875.000.000			x						x	

27	Đường BTXM thôn Toa Cát đoạn nối tiếp(hai đầu cầu)	Tuyển/Đoạn đường	1	198.000.000	173.250.000			x						x	
28	Cổng tràn thôn Chợ Rung	Cái	1	695.457.773	643.298.441			x						x	
Đ	Tài sản khác/ Công cụ dụng cụ														
1	Bàn làm việc	Cái	29					x						x	
2	Máy tính bàn	Cái	8					x						x	
3	Máy tính xách tay	Cái	4					x						x	
4	Rèm cửa	Cái	50					x						x	
5	Máy GPS	Cái	1					x						x	
6	Máy quét QR	Cái	1					x						x	
7	Kệ lưu trữ hồ sơ	Cái	9					x						x	
8	Máy phát điện	Cái	1					x						x	
9	Máy scan A4	Cái	2					x						x	
10	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	7					x						x	
11	Bút nói và bút bác	Cái	4					x						x	
12	Bảng niêm yết thủ tục hành chính	Cái	1					x						x	
13	Bình thủy điện	Cái	10					x						x	
14	Máy in	Cái	13					x						x	
15	Bàn hội trường	Cái	70					x						x	
16	Ghế hội trường	Cái	280					x						x	
17	Ghế xoay	Cái	25					x						x	
18	Kê đựng hồ sơ	Cái	14					x						x	
19	Tủ đựng hồ sơ	Cái	17					x						x	

20	Giường	Cái	4					x						x	
21	Nồi cơm điện	Cái	1					x						x	
22	Tủ chén	Cái	2					x						x	
E	Tài sản khác (hệ thống nước sạch)														
1	Hệ thống nước sạch thôn Tân Hạ 1	Hệ thống	1	256.430.865	230.787.778			x						x	
2	Hệ thống nước sạch thôn Tân Hạ 2	Hệ thống	1	256.430.865	230.787.778			x						x	
3	Hệ thống nước sạch thôn Tân Hạ 3	Hệ thống	1	256.430.865	230.787.778			x						x	
4	Hệ thống nước sạch thôn Ma Bó	Hệ thống	1	393.361.171	354.025.054			x						x	
5	Hệ thống nước sạch cụm K61 thôn Toa Cát	Hệ thống	1	258.472.680	232.625.412			x						x	
6	Hệ thống nước sạch cụm K62 thôn Toa Cát	Hệ thống	1	258.472.680	232.625.412			x						x	
	Tổng cộng														

Nơi nhận:

- Phòng TCKH huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương